

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SÓC SƠN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **13/2023/DS-ST**
Ngày 05/6/2023.
*Về việc: Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÓC SƠN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI
- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Duy Khoa
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông D Văn Xuyên
2. Ông Nguyễn Văn Vĩ
- Thư ký phiên tòa: Ông Tô Ngọc Lâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 6 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 205/TLST-DS ngày 29/12/2022, về việc: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/QĐXX-ST ngày 16 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Lan H**, sinh năm 1992; Địa chỉ: Tổ X, thôn Miếu T, xã Tiên D, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền của chị Nguyễn Thị Lan H: Công ty Luật TNHH X; Địa chỉ: Tầng X, Số Y Nguyễn K, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Người được phân công thực hiện việc đại diện theo ủy quyền: Ông **Trương Minh H** - Chuyên viên Công ty Luật TNHH X

2. Bị đơn: Chị **Trần Minh H**, sinh năm 1991; Địa chỉ: Tổ X, thôn Miếu T, xã Tiên D, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh **Nguyễn Phương L**, sinh năm 1988; Địa chỉ: Khôi X, xã Phù L, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội.

Có mặt: Ông H.

Vắng mặt: Chị H, anh L (Có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

I. Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Chị Nguyễn Thị Lan H và chị Trần Minh H có quan hệ là hàng xóm của nhau. Do quen thân nên vào thời điểm năm 2016, chị H có cho chị H mượn giấy tờ tùy thân để vay tín dụng tại Công ty Tài chính TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng (FE Credit). Do chị H không thể chi trả khoản nợ trên, chị H đã liên hệ với FE Credit để hoàn trả toàn bộ số tiền còn lại của khoản vay thay cho chị H (Chị H cam kết sẽ trả lại khoản vay này cho chị H). Ngày 31 tháng 08 năm 2018, chị H tiếp tục cho chị H vay thêm một số tiền nữa (Chị H nói là để mở rộng kinh doanh), cộng cả khoản tiền mà chị đã trả thay chị H tại Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng (FE Credit) trước đó thì chị H đã nợ chị 67.000.000 đồng (Sáu mươi bảy triệu đồng chẵn). Hai bên có lập giấy vay tiền để ghi nhận khoản nợ trên cùng với mức lãi suất là 7,3%/năm, thời hạn mà chị H phải hoàn trả cả gốc lẫn lãi cho chị H là 03 năm (Bắt đầu từ ngày 01/09/2018 đến ngày 31/12/2021).

Ngoài ra, các bên ghi nhận tại giấy vay nợ nội dung cam kết như sau: “Bên vay cam kết sẽ thanh toán nợ gốc và lãi đúng theo thời gian trên, nếu sai bên vay xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật và sẵn sàng phát mãi tài sản do bên vay làm chủ sở hữu để thanh toán cho bên vay”.

Ngày 15/9/2022, chị H đã trả cho chị H 1.000.000 đồng tiền gốc thông qua chồng chị H là anh Nguyễn Phương L và người nhận hộ chị H là chị Nguyễn Thị Ánh D (Chị gái chị H), chị D đã đưa lại cho chị H số tiền 1.000.000 đồng trên. Tính đến ngày 15/9/2022, chị H còn nợ chị H số tiền 66.000.000 đồng tiền nợ gốc.

Tuy nhiên, đến thời điểm ngày 20/11/2022, tức đã quá thời hạn thỏa thuận trả nợ mà chị H vẫn chưa thanh toán cả nợ gốc lẫn lãi suất của khoản vay trên cho chị H.

Căn cứ quy định tại khoản 1 các Điều 119, 463, 468 Bộ luật Dân sự 2015. Về nội dung, giấy vay tiền giữa chị H và chị H chính là một dạng hợp đồng ghi nhận thỏa thuận giữa các bên để thể hiện rõ ràng ý chí, sự tự nguyện thực hiện, số tiền vay, mức lãi suất, thời điểm phải hoàn trả. Về hình thức, giấy vay tiền không phải một trong các loại giấy tờ phải công chứng, chứng thực. Vậy, tất cả những thỏa thuận trên là phù hợp với quy định của pháp luật.

Nay, chị Nguyễn Thị Lan H yêu cầu chị Trần Minh H thanh toán cho chị Nguyễn Thị Lan H số tiền nợ gốc là 66.000.000 đồng (Sáu mươi sáu triệu đồng chẵn) cùng tiền lãi trong hạn 7,3%/năm và tiền lãi quá hạn.

II. Bị đơn chị Trần Minh H có lời khai trước Tòa án như sau:

Chị và chị Nguyễn Thị Lan H có quan hệ bạn bè, giữa vợ chồng chị và chị H có quan hệ giao dịch về tiền cho vay lãi giữa chị H và chồng chị anh Nguyễn Phương L. Sau nhiều lần giao dịch, đến ngày 31/8/2018, chị đứng ra nhận nợ và viết giấy vay tiền của chị H 67.000.000 đồng, lãi suất 7,3%/năm từ ngày 01/9/2018 đến ngày 31/12/2021 sẽ phải trả cả gốc lẫn lãi. Do khó khăn của dịch Covid nên chị chưa trả được theo thỏa thuận. Sau này, chị có trả cho chị H tổng số tiền 13.800.000 đồng qua chuyển khoản nhiều lần. Chị xác định chữ ký, chữ viết trong giấy vay tiền mà chị H gửi cho Tòa án là của chị. Đến

nay, tiền gốc chị chỉ còn nợ chị H là 53.200.000 đồng và tiền lãi 7,3%/năm theo thỏa thuận tại giấy vay tiền. Thực tế, chị H có nói với chị không tính lãi mà chỉ trả số tiền nợ gốc. Chị xác định, chị chỉ trả chị H số tiền 53.200.000 đồng nhưng hiện tại, do khó khăn, chị không thể trả ngay được, khi nào có điều kiện chị sẽ trả. Chị không có tài liệu về việc giữa vợ chồng chị và chị H có đưa tiền cho nhau để vay lãi trước ngày 31/8/2018, do hai bên chỉ đưa tiền cho nhau mà không viết giấy tờ. Chị từ chối tham gia đối chất với chị H về khoản tiền 13.800.000 đồng mà chị đã trả cho chị H và chị sẽ cung cấp cho Tòa án tài liệu về việc chị đã trả tiền cho chị H. Chị xác định, chồng chị là anh Nguyễn Phương L không liên quan đến khoản tiền vay theo giấy vay tiền ngày 31/8/2018 giữa chị và chị H đã ký với nhau mà số tiền 40.000.000 chị H đưa cho chồng chị vay lãi là do chị đứng ra nhận nợ.

II. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Phương L có lời khai trước Tòa án như sau:

Anh là chồng của chị Trần Minh H, anh được biết chị H và chị H là người cùng thôn, quen biết và chơi với nhau từ trước. Anh có được chị H kể lại là chị H có viết giấy vay nợ với chị Nguyễn Thị Lan H. Về việc vay nợ giữa chị H và chị Nguyễn Thị Lan H cụ thể như thế nào thì anh không biết và không liên quan. Anh không liên quan đến số tiền 40.000.000 đồng vay nợ giữa chị H và chị H. Khoảng tháng 9 năm 2022, chị H có đưa cho anh 1.000.000 đồng và nhờ anh chuyển khoản vào tài khoản của chị Nguyễn Thị Ánh D (Là chị gái của chị H) và nói với anh là trả tiền vay. Anh đã chuyển khoản cho chị D theo lời của chị H, anh không rõ là trả khoản vay nào. Anh xác định anh không liên quan đến việc vay nợ giữa chị H và chị H nên anh xin vắng mặt và từ chối tham gia tố tụng tại Tòa án.

II. Người làm chứng là chị Nguyễn Thị Ánh D có lời khai trước Tòa án như sau:

Chị là chị gái ruột của chị Nguyễn Thị Lan H, ngày 15/9/2022, chị có nhận hộ chị H 1.000.000 đồng từ tài khoản của anh Nguyễn Phương L (Chồng chị H), chị không biết đó là thanh toán về việc gì mà chỉ biết tiền anh L, chị H có nói chuyển cho chị H 1.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền từ tài khoản, chị đã thông báo và trả lại cho chị H 1.000.000 đồng, chị H đã nhận đủ số tiền trên. Chị xác định chị không liên quan gì đến vụ án giữa chị H và chị H về việc vay tiền.

Tại phiên tòa:

- Đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc đề nghị Tòa án buộc chị Trần Minh H phải trả cho chị Nguyễn Thị Lan H số tiền nợ gốc là 66.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn theo thỏa 7,3%/năm và tiền lãi quá hạn đến ngày xét xử sơ thẩm. Đồng thời xác định không có việc chị H trả cho chị H 13.800.000 đồng và không tính lãi như lời khai của chị H. Chị H mới trả cho chị H 1.000.000 đồng tiền nợ gốc vào ngày 15/9/2022 nên số tiền nợ gốc còn lại là 66.000.000 đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sóc Sơn phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán thực hiện đúng quy định của pháp luật; tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo trình tự tố tụng quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản Điều 463, 466, 468 và 469 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26, 146, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Lan H.

Buộc chị Trần Minh H phải trả cho chị Nguyễn Thị Lan H số tiền nợ gốc 66.000.000 đồng, lãi theo thỏa thuận từ ngày 01/9/2018 đến ngày 31/12/2021 với lãi suất 7,3%/năm và tiền nợ lãi kể từ ngày vi phạm nghĩa vụ 01/01/2022 đến ngày 05/6/2026, với lãi suất 9%/năm.

Chị Trần Minh H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, đánh giá đầy đủ, khách quan tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ tranh chấp: Xét giữa chị Nguyễn Thị Lan H và chị Trần Minh H có giao dịch cho nhau vay tài sản, được thể hiện tại Giấy vay tiền ngày 31/8/2018, có chữ ký của bên cho vay là Nguyễn Thị Lan H và bên vay là Trần Minh H. Hội đồng xét xử xét thấy đây là tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn chị Trần Minh H có nơi cư trú tại huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội tại thời điểm khởi kiện. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[1.3]. Việc bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho chị Trần Minh H và anh Nguyễn Phương L nhưng chị Trần Minh H và anh Nguyễn Phương L đã có văn bản xin vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Trần Minh H và anh Nguyễn Phương L theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 là phù hợp pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về giao dịch dân sự: Giữa chị Nguyễn Thị Lan H và chị Trần Minh H có thiết lập quan hệ giao dịch dân sự bằng văn bản cho nhau vay tài sản được thể hiện tại Giấy vay tiền ngày 31/8/2018, có chữ ký của bên cho vay là Nguyễn Thị Lan H và bên vay là Trần Minh H do chị Nguyễn Thị Lan H xuất trình cho Tòa án để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình. Chị Trần

Minh H có lời khai xác định chữ ký, chữ viết Trần Minh H trong Giấy vay tiền ngày 31/8/2018 do chị Nguyễn Thị Lan H xuất trình là chữ ký, chữ viết của mình.

Như vậy, giữa chị Nguyễn Thị Lan H và chị Trần Minh H đã thiết lập giao dịch dân sự được thể hiện bằng văn bản, do các bên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và tự nguyện giao kết, nội dung của giao dịch không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên tham gia giao dịch.

[2.2]. Xét yêu cầu của chị Nguyễn Thị Lan H: Chị Nguyễn Thị Lan H yêu cầu chị Trần Minh H phải trả toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi theo Giấy vay tiền ngày 31/8/2018.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Giấy vay tiền ngày 31/8/2018 (Bút lục 03), quy định lãi suất 7,3%/năm, có ấn định thời hạn trả nợ là loại Hợp đồng cho vay tài sản xác định thời hạn và có tính lãi suất cho vay.

Chị Trần Minh H thừa nhận chữ ký, chữ viết Trần Minh H trên Giấy vay tiền do chị Nguyễn Thị Lan H xuất trình ở trên là của mình và do mình đứng ra nhận nợ nên có đủ cơ sở khẳng định các bên có thiết lập quan hệ vay tài sản, cụ thể là chị Trần Minh H đã vay tiền của chị H số tiền 67.000.000 đồng. Đủ cơ sở xác định ngày 31/8/2018, chị Trần Minh H đã vay của chị Nguyễn Thị Lan H số tiền 67.000.000 đồng.

Về số tiền nợ gốc: Đại diện theo ủy quyền của chị Nguyễn Thị Lan H thừa nhận chị H đã trả cho chị H số tiền nợ gốc 1.000.000 đồng vào ngày 15/9/2022, như vậy, số tiền nợ gốc chị H còn nợ chị H là 66.000.000 đồng.

Về lãi suất trong hạn: Giấy vay tiền ngày 31/8/2018 các bên có thỏa thuận và quy định lãi suất 7,3%/năm và ấn định thời hạn vay kể từ ngày 01/9/2018 đến ngày 31/12/2021, lãi suất 7,3%/năm này được xác định là lãi suất trong hạn, lãi suất này phù hợp với quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về lãi suất quá hạn: Trong Giấy vay tiền ngày 31/8/2018 có xác định đến ngày 31/12/2021, bên vay thanh toán nợ gốc và lãi theo đúng thời hạn trên. Đến ngày 31/12/2021, chị H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên lãi quá hạn được xác định từ ngày 01/01/2022, lãi trên nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất vay theo hợp đồng tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.3]. Xét lời khai của bị đơn chị Trần Minh H, nhận thấy: Chị Trần Minh H thừa nhận chữ ký Trần Minh H tại phần bên vay của Giấy vay tiền do chị Nguyễn Thị Lan H xuất trình là chữ ký, chữ viết của mình.

Chị Trần Minh H xác định có nhận nợ thay anh Nguyễn Phương L là chồng mình 40.000.000 đồng và ký giấy vay tiền đối với chị Nguyễn Thị Lan H, số tiền vay là 67.000.000 đồng, chị đã trả cho chị H số tiền 13.800.000 đồng thông qua chuyển khoản nhiều lần và chị chỉ còn nợ chị H số tiền 53.200.000 đồng. Chị Trần Minh H đã không xuất trình được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự việc trên.

Ngày 22/02/2023, Tòa án đã yêu cầu chị Trần Minh H cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời khai của mình nhưng chị Trần Minh H không cung cấp được tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án để chứng minh cho lời khai của mình là có căn cứ.

Theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự: “*Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc*”. Xét, nghĩa vụ chứng minh thuộc trách nhiệm của chị Trần Minh H nhưng chị Trần Minh H đã không xuất trình được các tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho lời khai của mình nên phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định của pháp luật.

[2.6]. Từ những phân tích trên đủ cơ sở kết luận: Giữa chị Nguyễn Thị Lan H và chị Trần Minh H đã ký hợp đồng vay tài sản, theo đó: Chị Trần Minh H có vay của chị Nguyễn Thị Lan H tổng số tiền 67.000.000 đồng (Sáu mươi bảy triệu đồng) theo Giấy vay tiền ngày 31/8/2018. Các bên tham gia giao dịch đều có năng lực hành vi dân sự đầy đủ nên phải chịu trách nhiệm về các giao dịch dân sự do mình đã ký kết và thực hiện.

Căn cứ khoản 1, khoản 5 Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015, buộc chị Trần Minh H phải trả cho chị Nguyễn Thị Lan H toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi trong hạn và nợ lãi quá hạn:

- Nợ gốc: 66.000.000 đồng.

- Nợ lãi trong hạn: Từ ngày 01/9/2018 đến ngày 31/12/2021 là: 67.000.000 đồng x 7,3%/tháng x 03 năm 04 tháng = 16.533.663 đồng.

- Nợ lãi quá hạn bằng 150% lãi suất theo thỏa thuận, được tính từ ngày 01/01/2022. Do ngày 15/9/2022, chị Lan đã trả cho chị H số tiền nợ gốc 1.000.000 đồng nên tiền lãi quá hạn được chia thành hai giai đoạn.

Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 15/9/2022 là 67.000.000 đồng x 7,3%/tháng x 150% x 08 tháng 14 ngày = 5.237.244 đồng.

Từ ngày 16/9/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm 05/6/2023 là: 66.000.000 đồng x 7,3%/tháng x 150% x 08 tháng 20 ngày = 5.259.448 đồng.

Tổng số tiền nợ gốc, nợ lãi trong hạn và lãi quá hạn tính đến ngày xét xử sơ thẩm chị Trần Minh H có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị Lan H là **93.030.355** đồng.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn là chị Trần Minh H phải chịu toàn bộ án phí dân sự có giá ngạch là 4.651.000 đồng để sung Ngân sách Nhà nước.

Tiền tạm ứng án phí: Chị Nguyễn Thị Lan H được trả lại số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp là 2.273.000 đồng.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5]. Quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sóc Sơn tại phiên tòa: Cơ bản phù hợp với quy định của pháp luật và kết quả nghị án của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 147; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tổ tụng dân sự;

- Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Luật Thi hành án dân sự;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Lan H đối với chị Trần Minh H về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản. (Thể hiện là Giấy vay tiền ngày 31/8/2018).

- Buộc chị Trần Minh H phải trả cho chị Nguyễn Thị Lan H tổng số tiền **93.030.355 đồng** (Chín mươi ba triệu, không trăm ba mươi nghìn, ba trăm năm mươi lăm đồng), trong đó:

- Nợ gốc: 66.000.000 đồng.

- Nợ lãi trong hạn: 16.533.663 đồng.

- Nợ lãi quá hạn 10.496.692 đồng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Trần Minh H phải nộp 4.651.000 đồng (Bốn triệu, sáu trăm năm mươi một nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm để sung ngân sách Nhà nước.

Trả lại cho chị Nguyễn Thị Lan H số tiền tạm ứng án phí dân sự 2.273.000 đồng (Hai triệu, hai trăm bảy mươi ba nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0005667 ngày 29/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sóc Sơn.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai, sơ thẩm. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Lan H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn chị Trần Minh H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Phương L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Những người tham gia tố tụng;
- VKSND huyện Sóc Sơn;
- TAND TP. Hà Nội;
- Chi cục THADS huyện Sóc Sơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Duy Khoa